Ngày 02/11/2026, Thanh tra Chứng khoán Nhà nước ban hành Kết luận Thanh tra số 63/KL-TT về việc thanh tra tại Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (Công ty/VDS), toàn văn Kết luận Thanh tra như sau:

1. Khái quát chung

Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 32/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày 21/12/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán gần nhất số 92/GPĐC-UBCK cấp ngày 17/09/2025. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 2.720.000.000.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Miên Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh và 06 chi nhánh tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Khánh Hòa, Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai.

Nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty được cung cấp các dịch vụ, hoạt động: giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch chứng khoán trực tuyến. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng.

Công ty không có công ty mẹ và công ty liên kết. Công ty có 01 công ty con là CTCP Quản lý Quỹ Rồng Việt (VDAM).

Theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày 17/08/2026, Công ty có 4 cổ đông lớn gồm: CTCP Thực Phẩm Quốc Tế NUTI KD, Ông Nguyễn Miên Tuấn, Bà Phạm Mỹ Linh, Ông Nguyễn Hoàng Hiệp, có tỷ lệ sở hữu lần lượt là 20,58%, 16,79%, 9,19% và 7,14%. Công ty cam kết CTCP Thực Phẩm Quốc Tế NUTI KD, ông Nguyễn Miên Tuấn và người có liên quan của CTCP Thực Phẩm Quốc Tế NUTI KD, ông Nguyễn Miên Tuấn không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác.

Theo các Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024, 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, BCTC Quý 2/2026 do Công ty tự lập: Tổng doanh thu của Công ty năm 2024, năm 2025 và Quý 2/2026 lần lượt là: 1.041,4 tỷ đồng, 1.041,8 tỷ đồng và 267,6 tỷ đồng; trong đó doanh thu từ hoạt động đầu tư và cho vay chiếm tỷ trọng cao nhất, lần lượt đạt 35,5% và 46,3% tổng doanh thu toàn Công ty (tại Quý 2/2026). Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2024, năm 2025 và Quý 2/2026 lần lượt là: 285,7 tỷ đồng, 282,17 tỷ đồng và 33,1 tỷ đồng.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Việc duy trì điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh

Công ty được UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21/12/2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán gần nhất số 92/GPĐC-UBCK cấp ngày 17/09/2025, được thực hiện 04 nghiệp vụ kinh doanh: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số 22/GCN-UBCK ngày 11/7/2018 được phép thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh: môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh số 23/GCN-UBCK ngày 11/7/2018; Quyết định số 262/QĐ-UBCK ngày 14/3/2016 chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến và Quyết định điều chỉnh; Quyết định số 338/QĐ-UBCK ngày 27/5/2022 chấp thuận cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán.

Kết quả kiểm tra cho thấy, Công ty đáp ứng duy trì các điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán về vốn, cổ đông, cơ sở vật chất và nhân sự theo quy định tại khoản 1, điểm c và điểm d khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 74, điểm a khoản 1 Điều 85 Luật Chứng khoán; khoản 1 Điều 175 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP). Công ty đáp ứng duy trì các điều kiện về hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh (Nghị định số 158/2020/NĐ-CP).

2.2. Về tình hình thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán

- Về quy trình liên quan đến hoạt động môi giới: Công ty đã ban hành các quy trình bao gồm: Quy trình Giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSX), Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và thị trường UPCOM; Quy trình Quản lý dịch vụ mở tài khoản trực tuyến; Quy trình Quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài; Quy trình Quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cá nhân và tổ chức trong nước; Quy trình kiểm soát rủi ro hoạt động cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; Quy trình Nghiệp vụ theo Quy chế của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

- Về việc mở tài khoản giao dịch chứng khoán: Tại thời điểm ngày 17/8/2026, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại Công ty là 155.971 tài khoản gồm 155.657 tài khoản khách hàng trong nước (trong đó 155.106 tài khoản cá nhân, 551 tài khoản tổ chức), 314 tài khoản khách hàng nước ngoài (trong đó 210 tài khoản cá nhân, 104 tài khoản tổ chức). Khách hàng của Công ty ký Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán để được cấp tài khoản lưu ký và các tiểu khoản trực thuộc tài khoản giao dịch của khách hàng. Khi mở tài khoản lưu ký,

khách hàng mặc định có 01 tiểu khoản giao dịch chứng khoán (033Cxxxxxx). Khi khách hàng có nhu cầu có thể ký Hợp đồng với Công ty để mở các tiểu khoản chuyên dụng khác nằm trong tài khoản lưu ký như tiểu khoản giao dịch ký quỹ (tiểu khoản M1), tài khoản phái sinh (tiểu khoản D).

Kết quả kiểm tra chọn mẫu đối với 15 tài khoản giao dịch thường cho thấy: Về nội dung hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán, qua rà soát mẫu "Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán" cùng Bộ Các điều khoản và điều kiện ban hành kèm theo Hợp đồng mở tài khoản (Bộ T&C) và các hồ sơ mở tài khoản chọn mẫu, cho thấy nội dung hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán của Công ty ký với khách hàng cơ bản đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (Thông tư 121/2020/TT-BTC); các hợp đồng mở qua hình thức EKYC đã được hệ thống của Công ty ghi nhận đầy đủ thông tin và xác nhận của các bên (gồm nhà đầu tư và Công ty).

- Về việc nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng:

Kết quả kiểm tra trên sổ lệnh của khách hàng cho thấy các khách hàng thực hiện đặt lệnh qua các kênh giao dịch trực tuyến (trên website và trên ứng dụng điện thoại) và tại quầy giao dịch.

Kết quả kiểm tra chọn mẫu giao dịch của một số tài khoản tại một số ngày giao dịch cho thấy: Đối với các lệnh đặt tại quầy giao dịch Công ty đã cung cấp phiếu lệnh đặt có xác nhận của khách hàng và Công ty, thông tin trên phiếu lệnh có đầy đủ các nội dung: mã chứng khoán, khối lượng đặt, giá đặt, thời gian nhận lệnh. Đối với kênh đặt trực tuyến, Công ty đã cung cấp được bằng chứng đặt lệnh thể hiện mã chứng khoán, khối lượng đặt, giá đặt, thời gian nhận lệnh, thông tin định danh thiết bị đặt lệnh, địa chỉ IP đặt lệnh.

Kết quả kiểm tra chọn mẫu một số thời điểm đặt lệnh của 15 tài khoản cho thấy tại một số thời điểm đặt lệnh, Công ty cho một số khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán khi không có đủ tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán, cụ thể: khách hàng có số tài khoản 033C029199 (ngày 08/4/2025 và ngày 09/4/2025), 033C678621 (ngày 08/09/2025), 033C666554 (ngày 13/07/2026), 033C026688 (ngày 23/07/2026), 033C017063 (ngày 27/07/2026). Việc Công ty cho khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán khi chưa có đủ tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán là vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán (Thông tư số 120/2020/TT-BTC) được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Thông tư số 68/2024/TT-BTC).

- Về việc quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng:

Công ty đã ký kết hợp đồng với 02 ngân hàng để quản lý tài khoản tiền gửi nhà đầu tư phục vụ cho các giao dịch chứng khoán trong trường hợp khách hàng mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng: (1) Hợp đồng hợp tác số 01/2010/HĐ-VDSC-EIB ngày 15/10/2010 với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (EIB) - Sở giao dịch 1; (2) Hợp đồng cung ứng sử dụng dịch vụ BIDV@securities số 1428227/HĐDV/BIDV-VDSC ngày 27/12/2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh (CN) Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Theo báo cáo của Công ty, đến thời điểm 17/8/2026, Công ty có 84 khách hàng sử dụng dịch vụ này.

Theo báo cáo của Công ty, Công ty mở 53 tài khoản chuyên dụng tại 16 ngân hàng thương mại để quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (tài khoản chuyên dụng).

Kết quả kiểm tra chọn mẫu Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh các tháng 01/2024, tháng 06/2024, tháng 12/2024, tháng 01/2025, tháng 06/2025, tháng 12/2025 và tháng 06/2026 cho thấy Công ty đã báo cáo danh sách các ngân hàng quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư theo mẫu tại Phụ lục II Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (Thông tư số 121/2020/TT-BTC).

Kết quả kiểm tra chọn mẫu sổ chi tiết và sao kê tài khoản ngân hàng của Công ty cho thấy Công ty phát sinh một số giao dịch chuyển tiền giữa các tài khoản chuyên dụng và tài khoản thanh toán của Công ty, cụ thể:

+ Tại ngày 25/06/2025, tài khoản chuyên dụng số 128000052140 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) CN1 - TP HCM phát sinh giao dịch chuyển 1.200.000.000 đồng đến tài khoản thanh toán của Công ty số 123000052099 tại Vietinbank CN1 - TP HCM với nội dung điều chuyển tiền thanh toán lãi vay ngày 25/6/2025 (KUNN 01_GOC300 TY).

+ Tại ngày 25/07/2025, tài khoản chuyên dụng số 128000052140 tại Vietinbank CN1 - TP HCM phát sinh giao dịch chuyển 700.000.000 đồng đến tài khoản thanh toán của Công ty số 123000052099 tại Vietinbank CN1 - TP HCM với nội dung điều chuyển tiền thanh toán lãi vay ngày 25/7/2025 (KUNN 01_GOC300 TY).

Theo Công ty báo cáo và tài liệu do Công ty cung cấp, đối với 02 giao dịch phát sinh nêu trên, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có khoản vay 300 tỷ đồng mua trái phiếu theo hợp đồng số 005/2025-HĐCVHM/NHCT902 - RONG VIET ngày 14/4/2025 (thời gian vay từ ngày 17/04/2025 đến ngày 17/10/2025 và đã tất toán ngày 16/10/2025). Khi đến kỳ thanh toán lãi vay, Công ty chuyển tiền từ tài khoản chuyên dụng số 128000052140 sang tài khoản thanh toán của Công ty số 123000052099 để trả lãi và giảm chi phí chuyển tiền.

+ Tại ngày 26/02/2026 tài khoản chuyên dụng số 211014851162970 tại EIB - PGD Tao Đàn phát sinh giao dịch chuyển 100.000.000.000 đồng đến tài khoản

thanh toán của Công ty số 211014851103685 tại EIB - PGD Tao Đàn với nội dung điều chuyển tiền cho hoạt động giao dịch ký quỹ của Công ty.

+ Tại ngày 21/05/2026 tài khoản chuyên dụng số 211014851162970 tại EIB - PGD Tao Đàn phát sinh giao dịch chuyển 68.000.000.000 đồng đến tài khoản thanh toán của Công ty số 211014851103685 tại EIB - PGD Tao Đàn với nội dung điều chuyển tiền cho hoạt động giao dịch ký quỹ của Công ty.

Theo Công ty báo cáo và tài liệu Công ty cung cấp, Công ty phát sinh các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản chuyên dụng số 211014851162970 tại EIB - PGD Tao Đàn đến tài khoản thanh toán của Công ty số 211014851103685 tại EIB - PGD Tao Đàn sau khi được giải ngân tiền vay từ EIB - PGD Tao Đàn theo Hợp đồng tín dụng số 2110LAV250035936 ngày 08/04/2025 (hạn mức vay 250 tỷ đồng) và Hợp đồng tín dụng số 2110LAV260027641 ngày 02/04/2026 (hạn mức vay 250 tỷ đồng) với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán.

Trong thời kỳ thanh tra, Công ty báo cáo có 01 tài khoản chuyên dụng số 221014851021130 tại EIB - PGD ĐaKao (tên mới: EIB CN Sài Gòn - TP HCM) đồng thời được sử dụng là tài khoản thanh toán của Công ty.

Như vậy, tại một số thời điểm, Công ty chưa quản lý tách bạch tiền của khách hàng với tiền của công ty chứng khoán, vi phạm khoản 1 Điều 17 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

- Về bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng:

Công ty ban hành Quyết định số 42/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2023 về việc sửa đổi một số nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận Dịch vụ khách hàng. Theo đó, bộ phận Dịch vụ khách hàng được giao làm đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn, xử lý, giải đáp và phản hồi các yêu cầu của khách hàng.

2.3. Về tình hình thực hiện hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh

- Công ty đã ban hành các quy trình nghiệp vụ Môi giới chứng khoán phái sinh bao gồm: Quy trình Quản lý dịch vụ Chứng khoán phái sinh; Quy trình quản trị rủi ro Dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh; Quy trình kiểm soát nội bộ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

- Về mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh: Tính đến thời điểm ngày 17/8/2026, tổng số tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng tại Công ty là 3.862 tài khoản (bao gồm 3.861 tài khoản nhà đầu tư trong nước, 01 tài khoản nhà đầu tư nước ngoài). Theo báo cáo của Công ty, Công ty không phát sinh hợp đồng uỷ quyền trên các hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh. Kết quả kiểm tra chọn mẫu 10 tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh mở tại Công ty cho thấy nội dung hợp đồng mở tài khoản cơ bản đáp ứng theo quy định Điều 15 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

- Về phương thức giao dịch chứng khoán phái sinh: Công ty cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh (CKPS) qua các hình thức: Giao dịch chứng khoán phái sinh trực tuyến; Giao dịch chứng khoán phái sinh qua môi giới; Giao dịch chứng khoán phái sinh trực tiếp. Công ty đã đăng ký giao dịch trực tuyến với UBCKNN. Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh để truy cập vào hệ thống giao dịch điện tử trực tuyến của Công ty. Việc nhập lệnh và duyệt lệnh giao dịch của khách hàng được thực hiện tự động trên hệ thống phần mềm quản lý giao dịch chứng khoán. Địa chỉ trang thông tin điện tử để truy nhập vào dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến: www.vsdc.com.vn.

- Về biểu phí giao dịch chứng khoán phái sinh: Công ty đã công bố về mức phí giao dịch chứng khoán phái sinh trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- Về việc quản lý tiền giao dịch phái sinh của khách hàng: Công ty mở 02 tài khoản ngân hàng tại EIB - PGD Tao Đàn và Vietinbank - CN 1 để nhận tiền nộp giao dịch chứng khoán/ký quỹ giao dịch phái sinh của khách hàng và 01 tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán bù trừ với VSDC. Để thực hiện giao dịch phái sinh, khách hàng phải chuyển tiền từ tài khoản chứng khoán cơ sở sang tài khoản giao dịch phái sinh, hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh.

2.4. Về hoạt động nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân

Theo báo cáo của Công ty, Công ty không phát sinh hoạt động uỷ thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân trong kỳ thanh tra.

2.5. Về việc thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán

Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 38/GCN-UBCK ngày 28/07/2022. Trong giai đoạn từ năm 2024 đến ngày 17/08/2026, Công ty đã làm đại lý phân phối cho 01 đợt phát hành chứng chỉ quỹ, với số lượng phân phối là 649.526 chứng chỉ quỹ. Tổng doanh thu từ hoạt động đại lý phân phối ghi nhận từ ngày 01/01/2024 đến ngày 17/08/2026 là 19.485.780 đồng.

2.6. Về việc cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác

Trong thời kỳ thanh tra, theo báo cáo và tài liệu Công ty cung cấp, Công ty đang thực hiện quản lý cổ đông cho 04 tổ chức là CTCP Dầu thực vật Tường An, CTCP Pymepharco, CTCP Thực phẩm Quốc tế Nuti KD và CTCP Việt Nam Wafer.

2.7. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng

2.7.1. Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán

Công ty được UBCKNN chấp thuận cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo Quyết định số 338/QĐ-UBCK ngày 27/5/2022.

Công ty đã ban hành Quy trình ứng trước tiền bán theo Quyết định số 13/2021/QĐ-DVCK ngày 04/01/2021 của Tổng Giám đốc.

Theo BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC bán niên 2024, 2025, 2026 đã được soát xét và theo báo cáo của Công ty, tổng dư nợ ứng trước tiền bán tại các thời điểm ngày 01/01/2024, 30/6/2024, 31/12/2024, 30/6/2025, 31/12/2025, 30/6/2026 và 17/8/2026 lần lượt là 526.670,87 triệu đồng, 480.991,05 triệu đồng, 176.074,55 triệu đồng, 190.674,65 triệu đồng, 151.530,9 triệu đồng, 156.869,01 triệu đồng và 77.702,18 triệu đồng.

Theo số liệu do Công ty cung cấp, thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng bán niên năm 2024 (lũy kế từ đầu năm), năm 2024, bán niên năm 2025 (lũy kế từ đầu năm), năm 2025 và giai đoạn từ 01/01/2026 đến 17/8/2026 lần lượt là 18.325 triệu đồng, 31.108 triệu đồng, 10.711 triệu đồng, 28.579 triệu đồng, 14.884 triệu đồng.

2.7.2. Hoạt động giao dịch ký quỹ

Công ty đã ban hành Quy trình quản lý dịch vụ giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 113/2024/QĐ-DVTC ngày 24/5/2024 của Tổng Giám đốc.

Tại thời điểm ngày 17/8/2026, số lượng tài khoản giao dịch ký quỹ mở tại Công ty là 5.911 tài khoản, bao gồm 5.869 tài khoản của cá nhân trong nước và 42 tài khoản tổ chức trong nước, không có tài khoản nhà đầu tư nước ngoài.

Kết quả kiểm tra chọn mẫu đối với 15 tài khoản giao dịch ký quỹ như sau:

a) Về việc mở tài khoản giao dịch ký quỹ

Kết quả kiểm tra chọn mẫu cho thấy nội dung hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ của Công ty cơ bản đã bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBCKNN về việc ban hành Quy chế giao dịch ký quỹ chứng khoán (Quyết định số 87/QĐ-UBCK).

b) Về Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ

Hàng tháng, Công ty lập và thông báo danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ cho khách hàng. Công ty đã công bố danh sách cập nhật chứng khoán được phép giao dịch trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ do Công ty công bố phù hợp với danh sách do 02 Sở giao dịch chứng khoán công bố.

Công ty không đưa cổ phiếu của chính Công ty phát hành (mã chứng khoán: VDS) vào danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.

c) Về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ

- Hạn mức về tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ

Theo BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC bán niên 2024, 2025, 2026 đã được soát xét; dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty tại các thời điểm ngày 30/6/2024, 31/12/2024, 30/6/2025, 31/12/2025 và 30/6/2026 lần lượt

là 2.613.165 triệu đồng, 2.525.783 triệu đồng, 2.711.415 triệu đồng, 3.807.737 triệu đồng và 4.088.524 triệu đồng.

Theo báo cáo của Công ty, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty tại các thời điểm ngày 24/4/2025, 31/7/2025 và 17/8/2026 lần lượt là 2.939.559 triệu đồng, 3.089.952 triệu đồng và 3.841.507 triệu đồng.

Qua xem xét tổng dư nợ giao dịch ký quỹ của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2024, 31/12/2024, 24/4/2025, 30/6/2025, 31/7/2025, 30/11/2025, 31/12/2025, 30/6/2026 và 17/8/2026 cho thấy tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm Quyết định số 87/QĐ-UBCK.

- Hạn mức về tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ đối với một khách hàng

Kết quả kiểm tra cho thấy, Công ty báo cáo dư nợ giao dịch ký quỹ của các tài khoản giao dịch ký quỹ tại các thời điểm ngày 30/6/2024, 31/12/2024, 24/4/2025, 30/6/2025, 31/7/2025, 30/11/2025, 31/12/2025, 30/6/2026 và 17/8/2026. Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty đối với khách hàng có dư nợ lớn nhất không vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm Quyết định số 87/QĐ-UBCK.

- Hạn mức về tổng dư nợ cho vay đối với một loại chứng khoán và tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ đối với một loại chứng khoán

Kết quả kiểm tra chọn mẫu dư nợ đối với một số mã chứng khoán tại một số thời điểm (31/12/2024, 30/4/2025, 31/5/2025, 31/7/2025, 30/11/2025, 31/12/2025, 30/6/2026 và 17/8/2026) có thực hiện giải ngân cho vay giao dịch ký quỹ cho thấy: Tổng dư nợ cho vay đối với một số loại chứng khoán không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của Công ty theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK; tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ đối với một loại chứng khoán không vượt quá 5% khối lượng niêm yết theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK.

d) Về việc giải ngân giao dịch ký quỹ

Kết quả kiểm tra chọn mẫu sao kê, sổ lệnh của 23 tài khoản phát sinh giao dịch ký quỹ cho thấy: Tại một số thời điểm, Công ty giải ngân cho vay giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua trên tài khoản giao dịch ký quỹ đối với một số khách hàng có tài khoản giao dịch chứng khoán số 033C028280 (ngày 26/11/2024), 033C028788 (ngày 17/12/2024), 033C025679 (ngày 18/12/2024), 033C027879 (ngày 24/12/2024), 033C026679 (ngày 25/12/2024 và ngày 13/01/2025), 033C001428 (ngày 03/3/2025), 033C009929 (ngày 04/4/2025 và ngày 08/4/2025), vi phạm quy định tại điểm d khoản 5 Điều 13 Quy chế hướng dẫn

giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK và khoản 8 Điều 9 Thông tư số 120/2020/TT-BTC.

2.8. Hoạt động khác

Trong kỳ thanh tra, Công ty đã cung cấp dịch vụ quản lý tài sản bảo đảm và tham gia ký kết 02 hợp đồng với tư cách là đại lý quản lý tài sản bảo đảm với Công ty TNHH Đầu tư Kido và Halley Five Limited (bao gồm: Hợp đồng thế chấp cổ phần số 01/2024/HDTC/KD-HF-RV ký ngày 22/07/2024 và Hợp đồng đại lý quản lý tài sản bảo đảm số 29/2024/ĐLQLTSBĐ-VDSC ký ngày 22/07/2024). Tại 02 hợp đồng nêu trên, khách hàng là Công ty TNHH Đầu tư KIDO (Bên thế chấp) và Halley Five Limited (Bên nhận thế chấp - một pháp nhân được thành lập theo pháp luật British Virgin Islands) thỏa thuận dùng tài sản đảm bảo là 8.620.690 cổ phiếu KDC để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ được đảm bảo phát sinh từ Thỏa thuận mua bán Cổ phần và đầu tư ngày 19/07/2024 (Theo báo cáo của VDS, VDS không lưu trữ bản Thỏa thuận mua bán Cổ phần và đầu tư do đây là thỏa thuận riêng giữa khách hàng và các đối tác, khách hàng không cung cấp nên VDS không lưu giữ hồ sơ) giữa Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Tương Lai trẻ (Youth Future), Công ty TNHH Đầu tư KIDO, ông Trần Lệ Nguyên và bên nhận thế chấp (Theo thỏa thuận mua bán Cổ phần và đầu tư ngày 19/07/2024, bên nhận thế chấp hoặc Liva Holdings Limited (Công ty con của Halley Five Limited) mua 17.241.380 cổ phiếu KDC từ Youth Future). Theo Hợp đồng thế chấp cổ phần số 01/2024/HDTC/KD-HF-RV ký ngày 22/07/2024, giá trị bảo đảm được ấn định là 1.500.000.060.000 VNĐ.

Theo Hợp đồng đại lý quản lý tài sản bảo đảm số 29/2024/ĐLQLTSBĐ-VDSC ký ngày 22/07/2024, nghĩa vụ chính của VDS là: Quản lý tài sản đảm bảo (8.620.690 cổ phiếu KDC); Nhận, giữ và quản lý giấy tờ sở hữu và giấy tờ khác có liên quan đến tài sản bảo đảm; Thực hiện mọi thủ tục liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm đối với các tài sản bảo đảm theo quy định của VSDC; Phong tỏa các tài sản có liên quan từ cổ phần thế chấp theo quy định tại Hợp đồng thế chấp và/hoặc theo đề nghị của Bên thế chấp, nắm giữ và xử lý theo yêu cầu của bên nhận thế chấp các khoản bồi thường do việc hủy bỏ, thu hồi các giấy tờ có liên quan đến tài sản bảo đảm phù hợp với Hợp đồng thế chấp.

Theo Hợp đồng thế chấp cổ phần số 01/2024/HDTC/KD-HF-RV ký ngày 22/07/2024, VDS có nghĩa vụ xử lý tài sản đảm bảo theo đề nghị của Bên nhận thế chấp tại thông báo xử lý.

Theo báo cáo Công ty, phí quản lý tài sản bảo đảm ban đầu: Áp dụng mức phí cố định là 12.500.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Theo báo cáo của Công ty, trong kỳ thanh tra, doanh thu mỗi năm đối với Hợp đồng đại lý quản lý tài sản bảo đảm của Công ty lần lượt như sau: Năm 2024: 75 triệu đồng; Năm 2025: 150 triệu đồng; Năm 2026: 75 triệu đồng.

Công ty có văn bản yêu cầu chuyển khoản phong tỏa chứng khoán ngày 24/07/2024 kèm theo Giấy đề nghị phong tỏa chứng khoán cho 8.620.690 cổ phiếu KDC của bên bảo đảm, Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm của Công ty TNHH đầu tư Kido gửi VSDC và nhận được văn bản xác nhận việc đăng ký biện

pháp bảo đảm số A407240257/VBCN-ĐKBPBĐ ngày 24/7/2024 của VSDC. Theo báo cáo của Công ty, số cổ phiếu nêu trên vẫn đang được phong tỏa tại VSDC và chưa phải thực hiện biện pháp xử lý tài sản đảm bảo nêu tại Hợp đồng thế chấp cổ phần số 01/2024/HDTC/KD-HF-RV.

Việc Công ty thực hiện ký kết hợp đồng với khách hàng để cung cấp dịch vụ quản lý tài sản bảo đảm nêu trên là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 86 Luật Chứng khoán 2019 và khoản 3 Điều 25 Thông tư số 121/2020/TT-BTC về việc công ty chứng khoán chỉ được cung cấp dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo UBCKNN bằng văn bản.

3. Kết luận

3.1. Kết luận về những nội dung thanh tra

Trong thời kỳ thanh tra, Công ty còn có một số vi phạm, thiếu sót được nêu tại Mục 2 Kết luận thanh tra như sau:

- Vi phạm quy định về nhận lệnh và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng (Tại một số thời điểm, Công ty cho các khách hàng có số tài khoản 033C029199 (ngày 08/4/2025 và ngày 09/4/2025), 033C678621 (ngày 08/09/2025), 033C666554 (ngày 13/07/2026), 033C026688 (ngày 23/07/2026), 033C017063 (ngày 27/07/2026) đặt lệnh mua chứng khoán khi chưa có đủ tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán, vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 120/2020/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 68/2024/TT-BTC).

- Không thực hiện quản lý tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán (Tại các ngày 25/6/2025 và 25/7/2025, Công ty phát sinh các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản chuyên dụng số 128000052140 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) Chi nhánh 1 – Thành phố Hồ Chí Minh đến tài khoản thanh toán của Công ty số 123000052099 tại Vietinbank Chi nhánh 1 – Thành phố Hồ Chí Minh để điều chuyển tiền thanh toán lãi vay cho khoản vay mua trái phiếu của Công ty; Tại các ngày 26/02/2026 và 21/05/2026, Công ty phát sinh các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản chuyên dụng số 211014851162970 tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB) – Phòng giao dịch Tao Đàn đến tài khoản thanh toán của Công ty số 211014851103685 tại EIB - Phòng giao dịch Tao Đàn với nội dung điều chuyển tiền cho hoạt động giao dịch ký quỹ của Công ty; Công ty có 01 tài khoản chuyên dụng số 221014851021130 tại EIB - Phòng giao dịch ĐaKao (tên mới: EIB Chi nhánh Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh) đồng thời được sử dụng là tài khoản thanh toán của Công ty, vi phạm khoản 1 Điều 17 Thông tư số 121/2020/TT-BTC).

- Cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng (Tại một số thời điểm, Công ty giải ngân cho vay giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua trên tài khoản giao dịch ký quỹ đối với các khách hàng có tài khoản giao dịch chứng khoán số 033C028280 (ngày 26/11/2024), 033C028788 (ngày 17/12/2024), 033C025679 (ngày 18/12/2024), 033C027879 (ngày 24/12/2024), 033C026679 (ngày 25/12/2024 và ngày

13/01/2025), 033C001428 (ngày 03/3/2025), 033C009929 (ngày 04/4/2025 và ngày 08/4/2025), vi phạm quy định tại điểm d khoản 5 Điều 13 Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK và khoản 8 Điều 9 Thông tư số 120/2020/TT-BTC).

- Cung cấp dịch vụ tài chính khác phải báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện nhưng chưa báo cáo UBCKNN hoặc khi chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Trong giai đoạn từ ngày 22/7/2024 đến ngày 17/8/2026, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng để cung cấp dịch vụ quản lý tài sản bảo đảm đối với cổ phần thế chấp của Công ty TNHH Đầu tư KIDO khi chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 86 Luật Chứng khoán).

3.2. Trách nhiệm

Công ty, Tổng Giám đốc, lãnh đạo và nhân viên bộ phận liên quan có trách nhiệm đối với các vi phạm của Công ty (Vi phạm quy định về nhận lệnh và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng, Không thực hiện quản lý tách bạch tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán, Cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng, Cung cấp dịch vụ tài chính khác phải báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện nhưng chưa báo cáo UBCKNN hoặc khi chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền

Thanh tra Chứng khoán Nhà nước đã báo cáo, kiến nghị UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm của Công ty được nêu tại Mục 2 Kết luận Thanh tra. Ngày 23/9/2026, Thanh tra Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 551/QĐ-XPHC đối với Công ty, cụ thể như sau:

- Đối với hành vi vi phạm quy định về nhận lệnh và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng: Phạt tiền 137.500.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) quy định tại điểm g khoản 3 Điều 26 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP.

- Đối với hành vi không thực hiện quản lý tách bạch tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán: Phạt tiền 187.500.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 10 Điều 1 Nghị định số 306/2025/NĐ-CP.

- Đối với hành vi cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng: Phạt tiền 137.500.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP.

- Đối với hành vi cung cấp dịch vụ tài chính khác phải báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện nhưng chưa báo cáo UBCKNN hoặc khi chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 24 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 306/2025/NĐ-CP.

+ Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc dừng cung cấp dịch vụ tài chính khác quy định tại điểm d khoản 8 Điều 24 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 8 Điều 1 Nghị định số 306/2025/NĐ-CP (Buộc dừng việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản bảo đảm đối với cổ phần thế chấp của khách hàng).

5. Kiến nghị biện pháp xử lý

Thanh tra Chứng khoán Nhà nước đề nghị Công ty khẩn trương có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, thiếu sót sau thanh tra, cụ thể như sau:

- Rà soát, nghiêm chỉnh tuân thủ quy định về việc nhận lệnh và thực hiện lệnh của khách hàng, không cho khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán khi chưa có đủ tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán.

- Rà soát, nghiêm chỉnh tuân thủ quy định về việc quản lý tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán, tài khoản chuyên dụng phải mở riêng biệt và tách bạch với các tài khoản khác của công ty chứng khoán.

- Rà soát, nghiêm chỉnh tuân thủ quy định về việc không cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng.

- Dừng việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản bảo đảm đối với cổ phần thế chấp của khách hàng; rà soát toàn bộ các hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính của Công ty, Công ty chỉ được cung cấp dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định pháp luật sau khi báo cáo UBCKNN bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều 86 Luật Chứng khoán.

Thanh tra Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công ty thực hiện ngay các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sau thanh tra trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết luận thanh tra. Báo cáo kết quả gửi về Thanh tra Chứng khoán Nhà nước trong vòng 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn chấn chỉnh, khắc phục./.